

Bản án số: 01/ 2022/ HNGĐ - ST
Ngày: 28 /01/ 2022.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị H, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 13, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn T, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Thôn 13, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa có mặt chị Đỗ Thị H; còn vắng mặt anh Bùi Văn T (anh T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 28/01/2022).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai, cùng các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Đỗ Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn T sau thời gian tự do tìm hiểu khoảng 1 tháng, thì chị và anh T quyết định xây dựng gia đình với nhau, trước khi cưới chị và anh T có đến UBND xã K, huyện Y, để làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2002, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới. Sau khi cưới chị và anh T về chung sống hạnh phúc cùng với bố mẹ anh T tại thôn 13, xã K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chị H vẫn cố gắng khắc phục, đến năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không chịu làm ăn hay đi uống rượu say về và đánh chửi vợ con, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được. Do vậy đến tháng 7/2021 chị đã làm đơn xin ly hôn và được Tòa án thụ lý giải quyết, song nghĩ cho con có một gia đình trọn vẹn nên chị đã xin rút đơn khởi kiện đối với anh T. Tuy nhiên trong khoảng thời gian này anh T vẫn không thay đổi mà thậm chí còn hay uống rượu,

xay xin thường xuyên hơn, nên vợ chồng vẫn sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

Về con: Trong quá trình chung sống cho đến nay chị và anh T có hai người con chung, tên cháu là Bùi Đức H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2004 và cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011, hiện tại hai cháu đang do chị H nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng sống ly thân. Nay chị đề nghị Tòa án giao cả hai cháu H1 và T1 cho chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, chị không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị. Về con riêng không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị H xác định cho đến nay chị và anh T không có tài sản gì, còn về công nợ và đất nông nghiệp không có, nay ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại văn bản ghi lời khai ngày 31 tháng 12 năm 2021, bị đơn là anh Bùi Văn T trình bày: Anh và chị H kết hôn hợp pháp vào ngày 07/01/2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, việc kết hôn là tự nguyện không có sự ép buộc gì, sau khi kết hôn đã được hai bên gia đình tổ chức cưới, sau khi cưới vợ chồng chung sống cho đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn nhỏ nhất trong cuộc sống, duy nhất có lần vợ chồng xô xát, anh không kiềm chế được nên đã tát chị H, chị dùng ghế đánh lại anh, sau đó chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống từ tháng 02/2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị H không về thăm anh lần nào. Anh cũng đã nủi kéo nhưng nay chị H nhất mực ly hôn với anh thì anh cũng nhất trí ly hôn, vì tình cảm không thể xuất phát từ một phía, nên anh nhất trí ly hôn và không có ý kiến gì.

Về con: Anh T xác định cho đến nay anh và chị H có hai người con chung là cháu Bùi Đức H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2004 và cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011, hiện các cháu đang do chị H nuôi dưỡng. Do các cháu đang có cuộc sống ổn định nên anh nhất trí theo yêu cầu của chị H về việc nuôi con. Anh đề nghị Tòa án giao hai cháu H1 và T1 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống và anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H. Về con riêng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh T xác định cho đến nay vợ chồng anh không có tài sản gì, về công nợ không có, do vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về thủ tục: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa đầy đủ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án được xét xử theo thủ tục chung.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị H xử cho ly hôn với anh Bùi Văn T. Về con: Căn cứ nguyện vọng của cháu Bùi Đức

H1 và cháu Bùi Anh T1, trên quan điểm nhất trí của anh T về nuôi con nên giao cả hai cháu cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi hai con cho chị H là phù hợp. Về tài sản: Chị H và anh T đều xác định không có tài sản và không có yêu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung ngân sách Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Chị Đỗ Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Bùi Văn T, có địa chỉ tại xã K, huyện Y. Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Y, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa anh Bùi Văn T vắng mặt vì lý do anh có đơn xin xét xử vắng mặt theo quy định. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T đã có thời gian tự do tìm hiểu nhau, trước khi cưới anh chị đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07 tháng 01 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện Y, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2019, thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do vợ chồng luôn bất đồng trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng đánh, cãi chửi nhau. Do mâu thuẫn trở nên căng thẳng chị H đã dọn về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, nên vợ chồng sống ly thân. Trong thời gian sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 cho tới nay chị H và anh T không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Căn cứ vào các tài liệu chị H xuất trình cũng như qua biên bản xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy hôn nhân giữa chị H và anh T trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nên tình cảm dành cho nhau không còn, vợ chồng không có khả năng đoàn tụ và quan điểm của anh T cũng nhất trí ly hôn. Từ những căn cứ và đánh giá nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T là phù hợp.

[3] **Về con:** Chị H và anh T có hai người con chung là cháu Bùi Đức H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2004 và cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011, hiện tại các cháu đang do chị H nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh T về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con. Bản thân hai cháu đều có nguyện vọng được ở cùng với chị H và anh T cũng nhất trí giao hai cháu cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy giao hai con chung cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị H là phù hợp. Về con riêng chị H, anh T không có và không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4] **Về tài sản:** Chị H và anh T đều xác định không có tài sản và không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] **Về án phí:** Chị H là nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung ngân sách Nhà nước.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58 và các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị H về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với anh Bùi Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị H được ly hôn anh Bùi Văn T.

- Về con: Giao cháu Bùi Đức H1, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2004 và cháu Bùi Anh T1, sinh ngày 02 tháng 6 năm 2011 cho chị Đỗ Thị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, tự lập được cuộc sống, anh Bùi Văn T không có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị Đỗ Thị H và có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản: Chị Đỗ Thị H và anh Bùi Văn T không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình để sung ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng, tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005509 ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện Y.
- Chi cục THA DS huyện Y.
- UBND xã K.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TÒA PHIÊN TÒA**

Vũ Nhật Trung